

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Tên dự toán: Mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động thường xuyên năm 2025-2027 của Bệnh viện Lão khoa Trung ương.
- Nguồn vốn: Nguồn thu hoạt động sự nghiệp và sản xuất kinh doanh dịch vụ.
- Tên gói thầu: Cung cấp dịch vụ may đo đồ vải năm 2025-2027
- Bên mời thầu: Bệnh viện Lão Khoa Trung ương.
- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Lão Khoa Trung ương – Số 1A phố Phương Mai, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 24 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1 Yêu cầu chung:

- Quần áo cung cấp phải đảm bảo mới 100%, được đo trực tiếp và may cho từng người.
- Nhà thầu khi dự thầu phải ghi rõ loại vải, nhãn hiệu, thành phần vải được sử dụng để may trang phục.

1.2.2. Yêu cầu chi tiết:

TT	Danh mục hàng hóa	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Áo blouse bác sĩ	<ul style="list-style-type: none">- Chất liệu: vải Oxford, kate ford hoặc tương đương- Màu trắng- Thành phần nguyên liệu: Polyeste: 65±2%; Bông: 35±2%- Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): 49,2±1/2; Ngang (Ne): 48,4±1/2	Chiếc	400

		<ul style="list-style-type: none"> - Khối lượng thực tế (g/m²): 145±1 - Độ dày(mm): 0,28 - Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 820±1; Ngang (N): 620±1 - Mật độ: Dọc (sợi/10cm): 284±1; Ngang (sợi/10cm): 250±1; - Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô (%): Dọc: -2,0; Ngang: -1,5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quy cách may, kiểu dáng: áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. Túi ngực có in tên khoa và logo bệnh viện. 		
2	Quần blouse bác sĩ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: vải Oxford, kate ford hoặc tương đương - Màu trắng - Kiểu dệt: Vân điểm - Thành phần nguyên liệu: Polyeste: 65±2%; Bông: 35±2% - Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): 49,2±1/2; Ngang (Ne): 48,4±1/2 - Khối lượng thực tế (g/m²): 145±1 - Độ dày(mm): 0,28 - Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 820±1; Ngang (N): 620±1 - Mật độ: Dọc (sợi/10cm): 284±1; Ngang (sợi/10cm): 250±1; 	Chiếc	250

		<ul style="list-style-type: none"> - Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô (%): Dọc: -2,0; Ngang: -1,5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quy cách may, kiểu dáng: quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau 		
3	Áo dợt sỹ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: vải Oxford, kate ford hoặc tương đương - Màu trắng - Kiểu dệt: Vân điểm - Thành phần nguyên liệu: Polyeste: 65±2%; Bông: 35±2% - Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): 49,2±1/2; Ngang (Ne): 48,4±1/2 - Khối lượng thực tế (g/m²): 145±1 - Độ dày(mm): 0,28 - Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 820±1; Ngang (N): 620±1 - Mật độ: Dọc (sợi/10cm): 284±1; Ngang (sợi/10cm): 250±1; - Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô (%): Dọc: -2,0; Ngang: -1,5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quy cách may, kiểu dáng: áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Túi ngực có in tên khoa và logo bệnh viện. 	Chiếc	100

4	Quần dược sỹ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: vải Oxford, kate ford hoặc tương đương - Màu trắng - Kiểu dệt: Vân điểm - Thành phần nguyên liệu: Polyeste: 65±2%; Bông: 35±2% - Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): 49,2±1/2; Ngang (Ne): 48,4±1/2 - Khối lượng thực tế (g/m²): 145±1 - Độ dày(mm): 0,28 - Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 820±1; Ngang (N): 620±1 - Mật độ: Dọc (sợi/10cm): 284±1; Ngang (sợi/10cm): 250±1; - Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô (%): Dọc: -2,0; Ngang: -1,5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quy cách may, kiểu dáng: quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau 	Chiếc	50
5	Áo điều dưỡng	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: vải Oxford, kate ford hoặc tương đương - Màu trắng - Kiểu dệt: Vân điểm - Thành phần nguyên liệu: Polyeste: 65±2%; Bông: 35±2% - Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): 49,2±1/2; Ngang (Ne): 48,4±1/2 - Khối lượng thực tế (g/m²): 145±1 	Chiếc	600

		<ul style="list-style-type: none"> - Độ dày(mm): 0,28 - Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 820±1; Ngang (N): 620±1 - Mật độ: Dọc (sợi/10cm): 284±1; Ngang (sợi/10cm): 250±1; - Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô (%): Dọc: -2,0; Ngang: -1,5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quy cách may, kiểu dáng: áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm. Túi ngực có in tên khoa và logo bệnh viện. 		
6	Quần điều dưỡng	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: vải Oxford, kate ford hoặc tương đương - Màu trắng - Kiểu dệt: Vân điểm - Thành phần nguyên liệu: Polyeste: 65±2%; Bông: 35±2% - Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): 49,2±1/2; Ngang (Ne): 48,4±1/2 - Khối lượng thực tế (g/m²): 145±1 - Độ dày(mm): 0,28 - Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 820±1; Ngang (N): 620±1 - Mật độ: Dọc (sợi/10cm): 284±1; Ngang (sợi/10cm): 250±1; 	Chiếc	600

		<ul style="list-style-type: none"> - Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô (%): Dọc: -2,0; Ngang: -1,5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quy cách may, kiểu dáng: quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. 		
7	Áo kỹ thuật viên	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: vải Oxford, kate ford hoặc tương đương - Màu trắng - Kiểu dệt: Vân điểm - Thành phần nguyên liệu: Polyeste: 65±2%; Bông: 35±2% - Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): 49,2±1/2; Ngang (Ne): 48,4±1/2 - Khối lượng thực tế (g/m²): 145±1 - Độ dày(mm): 0,28 - Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 820±1; Ngang (N): 620±1 - Mật độ: Dọc (sợi/10cm): 284±1; Ngang (sợi/10cm): 250±1; - Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô (%): Dọc: -2,0; Ngang: -1,5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Túi ngực có in tên khoa và logo bệnh viện. 	Chiếc	200

8	Quần kỹ thuật viên	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: vải Oxford, kate ford hoặc tương đương - Màu trắng - Kiểu dệt: Vân điểm - Thành phần nguyên liệu: Polyeste: 65±2%; Bông: 35±2% - Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): 49,2/2; Ngang (Ne): 48,4/2 - Khối lượng thực tế (g/m²): 145±1 - Độ dày(mm): 0,28 - Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 820±1; Ngang (N): 620±1; - Mật độ: Dọc (sợi/10cm): 284±1; Ngang (sợi/10cm): 250±1 - Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô (%): Dọc: -2,0; Ngang: -1,5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. 	Chiếc	200
9	Áo mi mô	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: Vải thô, kate ford hoặc tương đương - Màu xanh - Kiểu dệt: Vân điểm - Thành phần nguyên liệu: Polyeste: 65±2%; Visco: 35±2% - Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): 44,8/2; Ngang (Ne): 44,6/2 - Khối lượng thực tế (g/m²): 164±1 	Chiếc	500

		<ul style="list-style-type: none"> - Độ dày(mm): 0,30 - Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 753±1; Ngang (N): 631±1; - Mật độ: Dọc (sợi/10cm): 304±1; Ngang (sợi/10cm): 250±1; - Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô (%): Dọc: -2,0; Ngang: -2,5 - Ngoại quan của vải sau giặt 40°C và làm khô (cấp): SA-3.0 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Kiểu dáng: cổ trái tim, chui đầu, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên tên trên ngực trái. Túi ngực có in tên khoa và logo bệnh viện. 		
10	Quần mi mỏ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Vải thô, kate ford hoặc tương đương - Màu xanh - Kiểu dệt: Vân điểm - Thành phần nguyên liệu: Polyeste: 65±2%; Visco: 35±2% - Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): 44,8/2; Ngang (Ne): 44,6/2 - Khối lượng thực tế (g/m²): 164±1 - Độ dày(mm): 0,30 - Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 753±1; Ngang (N): 631±1; - Mật độ: Dọc (sợi/10cm): 304±1; Ngang (sợi/10cm): 250±1 - Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 	Chiếc	500

		<ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô (%): Dọc: -2,0; Ngang: -2,5 - Ngoại quan của vải sau giặt 40°C và làm khô (cấp): SA-3.0 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Kiểu dáng: quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. 		
11	Áo hộ lý	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: vải Oxford, kate ford hoặc tương đương - Màu xanh hòa bình - Kiểu dệt: Vân điểm - Thành phần nguyên liệu: Polyeste: 65±2%; Bông: 35±2% - Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): 46,7±1/2; Ngang (Ne): 43,8±1/2 - Khối lượng thực tế (g/m²): 158±1 - Độ dày(mm): 0,28 - Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 851±1; Ngang (N): 678±1 - Mật độ: Dọc (sợi/10cm): 282±1; Ngang (sợi/10cm): 248±1; - Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô (%): Dọc: -1,0; Ngang: -1,5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quy cách may, kiểu dáng: Áo cổ trái tim, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông; phía trước có 2 túi, có khuy cài bên tên 	Chiếc	100

		trên ngực trái. Túi ngực có in tên khoa và logo bệnh viện.		
12	Quần hộ lý	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: vải Oxford, kate ford hoặc tương đương - Màu xanh hòa bình - Kiểu dệt: Vân điểm - Thành phần nguyên liệu: Polyeste: 65±2%; Bông: 35±2% - Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): 46,7±1/2; Ngang (Ne): 43,8±1/2 - Khối lượng thực tế (g/m²): 158±1 - Độ dày(mm): 0,28 - Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 851±1; Ngang (N): 678±1 - Mật độ: Dọc (sợi/10cm): 282±1; Ngang (sợi/10cm): 248±1; - Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô (%): Dọc: -1,0; Ngang: -1,5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quy cách may, kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau 	Chiếc	100
13	Quần áo buzong công nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: vải kaki hoặc tương đương -Màu xanh tím than - Kiểu dệt: Vân chéo 2/1 - Thành phần nguyên liệu: Polyeste: 65±2%; Bông: 35±2%; - Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): 20,2±1/1; Ngang (Ne): 19,5±1/1 	Bộ	20

		<ul style="list-style-type: none"> - Khối lượng thực tế (g/m²): 203±1 - Độ dày(mm): 0,36 - Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 1546±1; Ngang (N): 770±1; - Mật độ: Dọc (sợi/10cm): 438±1; Ngang (sợi/10cm): 218±1; - Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô (%): Dọc: -1,0; Ngang: -0,5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quy cách may, kiểu dáng: + Áo cổ đực có chân, cài cúc giữa, may kiểu áo bay, 2 túi ngực có nắp. Túi ngực có in tên khoa và logo bệnh viện. 		
14	Áo dinh dưỡng	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: vải Oxford, kate ford hoặc tương đương - Màu sắc: Màu trắng - Kiểu dệt: Vân điểm - Thành phần nguyên liệu: Polyeste: 65±2%; Bông: 35±2% - Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): 49,2±1/2; Ngang (Ne): 48,4±1/2 - Khối lượng thực tế (g/m²): 145±1; - Độ dày(mm): 0,28 - Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 820±1; Ngang (N): 620±1; - Mật độ: Dọc (sợi/10cm): 284±1; Ngang (sợi/10cm): 250±1 	Chiếc	20

		<ul style="list-style-type: none"> - Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô (%): Dọc: -2,0; Ngang: -1,5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Kiểu dáng: Áo cổ chữ U, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Túi ngực có in tên khoa và logo bệnh viện. 		
15	Quần dinh dưỡng	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: vải Oxford, kate ford hoặc tương đương - Màu sắc: Màu trắng - Kiểu dệt: Vân điểm - Thành phần nguyên liệu: Polyeste: 65±2%; Bông: 35±2% - Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): 49,2±1/2; Ngang (Ne): 48,4±1/2 - Khối lượng thực tế (g/m²): 145±1 - Độ dày(mm): 0,28 - Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 820±1; Ngang (N): 620±1; - Mật độ: Dọc (sợi/10cm): 284±1; Ngang (sợi/10cm): 250±1 - Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô (%): Dọc: -2,0; Ngang: -1,5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. 	Chiếc	20

16	Váy điều dưỡng	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: vải kaki chun hoặc tương đương - Màu sắc: Màu trắng - Kiểu dệt: Vân chéo 2/2 - Thành phần nguyên liệu: Polyeste: 81,3±2%; Rayon: 13,4±2%; Spandex: 5,3±2% - Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc-Sợi đơn có chun (Ne): 30,3/1; Ngang-Sợi filament có chun (Den): 238 - Khối lượng thực tế (g/m²): 250±1 - Độ dày(mm): 0,44 - Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 820±1; Ngang (N): 620±1 - Mật độ: Dọc (sợi/10cm): 482±1; Ngang (sợi/10cm): 380±1 - Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 40°C và làm khô (%): Dọc: -0,5; Ngang: 0 - Độ vón gút sau 7200 vòng quay (cấp): 4 - Độ bền màu ánh sáng đèn xenon (cấp): 5 - Độ bền màu với chất tẩy: NaClo (cấp): 4-5 - Độ thoáng khí tại 125Pa (cm³/s/cm²): 3,5 - Kiểu dáng: áo liền váy cổ 2 ve, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài váy qua gối 5 cm đến 10cm, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Túi áo liền váy, tay áo liền váy và cổ áo liền váy. Túi ngực có in tên khoa và logo bệnh viện. 	Chiếc	60
17	Áo sơ mi nữ dài tay	<ul style="list-style-type: none"> - Vải sợi tre, kate hoặc tương đương. - Màu trắng: Kiểu dệt: vân điểm 	Chiếc	60

		<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần: Polyeste: 68±2%; Visco: 20±2%; Bông: 12±2% - Khối lượng thực tế (g/m²): 134±1; - Kiểu dáng: Áo cổ đức, có nẹp bong cài cúc giữa. - Thêu logo bệnh viện ở ngực, viền lé cổ áo màu xanh. 		
18	Quần âu nữ	<ul style="list-style-type: none"> - Vải tuytsi chun dẫn Thái Lan, tuytsi hoặc tương đương - Màu sắc: xanh tím than - Kiểu dệt: Dệt thoi nhiều lớp - Thành phần: Polyeste: 76,4±2%; Visco: 21,4±2%; Spandex: 2,2±2% - Khối lượng thực tế (g/m²): 289±1; - Độ dày (mm): 0,44 - Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 2250±1; Ngang (N): 538±1; - Mật độ: Dọc (sợi/10cm): 800±1; Ngang (sợi/10cm): 360±1; - Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): 25,3/1; Ngang (Ne): 29,7/1 - Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô (%): Dọc: -1,0; Ngang: -0,5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quần âu hai ly, 2 túi chéo 	Chiếc	20
19	Zuýp nữ	<ul style="list-style-type: none"> - Vải tuytsi chun dẫn Thái Lan, tuytsi hoặc tương đương - Màu sắc: xanh tím than 	Chiếc	40

		<ul style="list-style-type: none"> - Kiểu dệt: Dệt thoi nhiều lớp - Thành phần: Polyeste: 76,4±2%; Visco: 21,4±2%; Spandex: 2,2±2% - Khối lượng thực tế (g/m²): 289±1; - Độ dày (mm): 0,44 - Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 2250±1; Ngang (N): 538±1; - Mật độ: Dọc (sợi/10cm): 800±1; Ngang (sợi/10cm): 360±1; - Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): 25,3/1; Ngang (Ne): 29,7/1 - Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô (%): Dọc: -1,0; Ngang: -0,5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Hai lớp - Dài ngang gối 		
20	Áo sơ mi nam dài tay	<ul style="list-style-type: none"> - Vải kate hoặc tương đương - Kiểu dáng: cổ đực, chân cổ có lé màu xanh - Màu sắc áo: màu trắng - Thêu logo bệnh viện ở ngực, viền lé cổ áo. 	Chiếc	20
21	Quần âu nam	<ul style="list-style-type: none"> - Vải tuytsi chun dân Thái Lan, tuytsi hoặc tương đương - Màu sắc: tím than - Thành phần: Polyeste/Visco: (79,7/20,3±1,0)% - Mật độ: Dọc (sợi/10cm): 392±1; Ngang (sợi/10cm): 344±1; - Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): 19,9/1; Ngang (Ne): 18,8/1 	Chiếc	20

		- Quần âu hai ly, 2 túi chéo, 1 túi sau		
22	Ga giường bệnh	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: vải thô, kaki hoặc tương đương - Màu trắng - Thành phần nguyên liệu: Polyeste: 67% ±2; Bông: 33%±2; - Khối lượng thực tế (g/m²): 162±1 - Độ dày (mm): 0,33 - Mật độ: Dọc (sợi/10cm): 273±1; Ngang (sợi/10cm): 285±1 - Quy cách may, kiểu dáng: may viền xung quanh, In logo bệnh viện. KT: 1,45x2,5m 	Chiếc	500
23	Chăn bệnh nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: vải thô, kaki hoặc tương đương - Màu xanh - Kiểu dệt: Vân chéo 3/1 - Thành phần nguyên liệu: Polyeste: (87±1,0)%; Bông: (12±1,0)% - Khối lượng thực tế (g/m²): 233 - Độ nhỏ sợi tách vải: Dọc (Ne): 18,6/1±1; Ngang (Ne): 18,2/1±1 - Mật độ: Dọc (sợi/10cm): 472±1; Ngang (sợi/10cm): 232±1 - Độ bền màu giặt C3; 60°C (cấp): 4-5 - Độ bền màu ánh sáng đèn xenon (cấp): 4 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h.t - KT: 1,45 x 2,0 m. Có in logo Bệnh Viện màu xanh. 	Chiếc	200

24	Quần áo bệnh nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu vải: vải kẻ tằm, kaki hoặc tương đương - Màu xanh ngọc - Kiểu dệt: Vân điểm kết hợp vân chéo 3/1 - Khối lượng thực tế (g/m²): 116±1 - Thành phần nguyên liệu: Polyeste: (87±2,0)%; Bông: (13±2,0)% - Quy cách may, kiểu dáng: + Áo kiểu pajama dài tay, cổ 2 ve, cài cúc giữa, chiều dài áo ngang hông. Cổ tay rộng, có nẹp tay 2,5cm. Thân trước có 3 túi, In logo viện và tên khoa trên túi ngực. + Quần chun có dây rút may kiểu pajama có nẹp gấu 3 cm, in logo bệnh viện và tên khoa cách cạp quần 20 cm. 	bộ	400
----	-------------------	--	----	-----

1.3. Các yêu cầu khác

- Cam kết cung cấp hàng hóa đủ số lượng, đúng chủng loại, đúng thông số kỹ thuật theo yêu cầu của E-HSMT. Nhà thầu phải có bảng tuyên bố đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa đề xuất cho gói thầu theo Mẫu sau:

TT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật theo yêu cầu của E-HSMT	Thông số kỹ thuật của hàng hóa chào thầu	Ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất	Tài liệu tham chiếu
	Ví dụ:				

1	<p>Áo blouse bác sĩ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: vải Oxford, kate ford hoặc tương đương - Màu trắng - Kiểu dệt: Vân điểm - Thành phần nguyên liệu: Polyeste: 63,4%; Bông: 36,6% - Độ nhỏ sợi tách từ vải: Dọc (Ne): 49,2/2; Ngang (Ne): 48,4/2 - Khối lượng thực tế (g/m²): 145 - Độ dày(mm): 0,28 - Độ bền kéo đứt: Dọc (N): 820; Ngang (N): 620 - Mật độ: Dọc (sợi/10cm): 284; Ngang (sợi/10cm): 250 - Độ bền màu giặt A(1); 40°C (cấp): 4-5 - Thay đổi kích thước sau giặt 60°C và làm khô (%): Dọc: -2,0; Ngang: -1,5 - Hàm lượng Formaldehyt (mg/kg): K.p.h - Quy cách may, kiểu dáng: áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. Túi ngực có in tên khoa và logo bệnh viện. 	...	<ul style="list-style-type: none"> - Hãng sản xuất: xx - Nhãn hiệu: xx - Ký mã hiệu (Model): xx 	<ul style="list-style-type: none"> - Về thông số kỹ thuật chi tiết: trang số ... (bảng số ...), Catalogue/tài liệu kỹ thuật/...
2			

(Nhà thầu phải dẫn chứng số trang, phân, mục, tài liệu cụ thể của hàng hóa trong E-HSDT đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong E-HSMT để Chủ đầu tư tham chiếu khi xem xét đánh giá E-HSDT. Trường hợp nhà thầu không trình bày đầy đủ thông tin theo yêu cầu nêu trên, Chủ đầu tư sẽ tra cứu thông tin trên website của hãng sản xuất/đại lý phân phối để xem xét. Nếu Chủ đầu tư không tìm thấy các thông tin về hàng hóa trên website hoặc có thông tin nhưng các thông tin này sai lệch về kỹ thuật so với tài liệu do nhà thầu cung cấp trong E-HSDT dẫn đến không đủ cơ sở để đánh giá tính đáp ứng kỹ thuật của sản phẩm dự thầu thì Nhà thầu phải chấp nhận kết quả đánh giá của Chủ đầu tư)

- Cung cấp catalogue và các tài liệu kỹ thuật chứng minh đầy đủ các đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa chào thầu.

- Cam kết cung cấp hàng mẫu với số lượng 01 bộ /danh mục nếu trúng thầu

- Cam kết giao hàng trong vòng 30 ngày sau khi nhận được yêu cầu của Chủ Đầu tư (số lượng hàng hóa cung cấp mỗi đợt theo yêu cầu của Bệnh viện). Hàng hóa được phân chia theo từng khoa/phòng và giao nhận tại các khoa/phòng trong bệnh viện.

- Cam kết bảo hành hàng hóa theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

- Cam kết bổ sung, thay thế hàng hóa không đảm bảo chất lượng. Thời gian thay thế, bổ sung hàng hóa không đảm bảo chất lượng trong vòng 05 ngày sau khi nhận được yêu cầu của Chủ Đầu tư.

Mục 2. Bản vẽ

Không yêu cầu

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được tiến hành tại Bệnh viện Lão khoa Trung ương hoặc đơn vị có chức năng thực hiện (chi phí kiểm nghiệm do nhà thầu chi trả).

- Bệnh viện sẽ thử nghiệm chất lượng hàng hóa ở bất kỳ thời điểm nào. Nếu hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật trong E-HSMT thì Bệnh viện sẽ lập biên bản vi phạm, từ chối nhận hàng hóa và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bệnh viện

có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết. Mọi rủi ro và chi phí liên quan do nhà thầu chịu.

Trong bất kỳ trường hợp nào, nếu nhà thầu vi phạm quy định, Bệnh viện sẽ lập biên bản và áp dụng chế tài với nhà thầu theo thỏa thuận được 02 bên thống nhất như sau: Trường hợp nhà thầu giao hàng chậm (không quá 05 ngày theo quy định về thời gian giao hàng trong E-HSMT) hoặc hàng hóa không đảm bảo chất lượng thì Bệnh viện thực hiện các việc sau:

+ Vi phạm lần 1: lập biên bản nhắc nhở. Nhà thầu tiến hành khắc phục trong thời hạn 24h kể từ khi nhận được yêu cầu của Bệnh viện.

+ Vi phạm lần 2: lập biên bản nhắc nhở; khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng 1%/ngày giá trị phần hàng hóa giao chậm cho đến khi giao hàng.

+ Vi phạm lần 3 hoặc số tiền phạt đạt 8%: Bệnh viện có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Số tiền phải thanh toán cho nhà thầu tính trên số lượng hàng hóa đã nghiệm thu, ngoài ra không phải thanh toán bất kỳ khoản phí phát sinh nào khác